

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:31/2021/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 10 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Thư ký phiên họp: Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Quỳnh Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 75/2021/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Minh N, sinh năm 1992

HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi làm việc: Doanh nghiệp tư nhân chế biến nông sản X, khu K, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1994

HKTT: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Vũ Thị C, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Anh N, chị P và bà Chín đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 04/10/2021 và các lời khai tiếp theo, anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P tự nguyện kết hôn ngày 07/9/2015 tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình chung sống anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân chủ yếu là do khác biệt về tính cách, không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị P đi làm việc tại Nhật Bản từ năm 2019, khoảng cách làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn, sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

Về con chung: Anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P có 01 con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 10/4/2016. Anh chị thỏa thuận và thống nhất sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị P sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Do tình hình dịch bệnh nên chị P không thể về Việt Nam, vợ chồng anh chị thỏa thuận, thống nhất tạm giao cháu Dương cho mẹ đẻ của chị P là bà Vũ Thị C chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi chị P về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Anh Lê Minh N tự nguyện chịu toàn bộ.

Chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đồng thời ủy quyền cho anh N thay mặt chị nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, chị.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 20/10/2021, bà Vũ Thị C trình bày:

Con gái bà là Nguyễn Thị P, sinh năm 1994 hiện đang tiến hành thủ tục ly hôn với anh Lê Minh N. Trong quá trình chung sống chị P và anh N có con chung là Lê Thùy D, sinh ngày 10/4/2016. Hai vợ chồng chị P và anh N thỏa thuận chị P sẽ trực tiếp chăm sóc cháu. Hai vợ chồng anh chị thống nhất giao cháu Lê Thùy D cho bà để bà tạm thời chăm sóc và nuôi dưỡng cháu cho đến khi mẹ cháu về Việt Nam, bà cam đoan sẽ hỗ trợ chị P chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Dương cho đến khi chị P về nước. Do công việc và sức khỏe không tốt nên bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P;

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa anh N và chị P, giao cháu Lê Thùy D, sinh ngày 10/4/2016 cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian chị P ở nước ngoài, tạm giao cháu Dương cho bà Vũ Thị C là mẹ đẻ chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị P về nước;

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết;

Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh N chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P nộp Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn thể hiện chị P hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ Công văn số:28560/QLXNC-P5 ngày 25/11/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an, chị Nguyễn Thị P xuất cảnh ngày 21/11/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh Lê Minh N hiện đang làm việc tại Doanh nghiệp tư nhân chế biến nông sản X, có trụ sở tại: Khu K, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Anh N và chị P thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N, chị P và bà C đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án mở phiên họp vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị P hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Do chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của chị P trên Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết vắng mặt không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải của chị Nguyễn Thị P trên các văn bản nói trên so với dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải của chị P in trên Căn cước

công dân. Tại Kết luận giám định số 1338/KLGD ngày 22/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ xác định: “Dấu vân tay “ngón trỏ trái” và “ngón trỏ phải” dưới mục ghi tên “Nguyễn Thị P” trong các tài liệu “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự”, “Đơn xin giải quyết vắng mặt” và “Bản tự khai” đều đề ngày 04/10/2021 so với dấu vân tay in tại ô “ngón trỏ trái” và “ngón trỏ phải” trên Căn cước công dân số: 02619400*** ghi tên Nguyễn Thị P, sinh ngày 24/10/1994; Nơi thường trú: thôn Đ, B, Y, Vĩnh Phúc do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/4/2018 là do cùng một người in ra.” Như vậy, có đủ căn cứ để xác định nội dung trong các văn bản trên thể hiện ý chí, nguyện vọng của chị Nguyễn Thị P.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P tự nguyện kết hôn ngày 07/9/2015 tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân chủ yếu là do khác biệt về tính cách, không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị P đi làm việc tại Nhật Bản từ năm 2019, khoảng cách làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn, sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên. Việc thuận tình ly hôn giữa anh N và chị P là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ ý chí của cả hai bên, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 10/4/2016. Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị P sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Do tình hình dịch bệnh nên chị P không thể về Việt Nam, vợ chồng anh chị thỏa thuận, thống nhất tạm giao cháu Dương cho mẹ đẻ của chị P là bà Vũ Thị C chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi chị P về nước. Bà C cũng có quan điểm đồng ý sẽ tạm thời chăm sóc cho cháu Dương cho đến khi mẹ cháu về nước. Việc thỏa thuận nuôi con giữa anh N và chị P là sự tự nguyện của hai bên, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người vợ và con chung, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung : Anh N và chị P xác định vợ chồng không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Minh N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự, cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận nuôi con giữa anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thùy D, sinh ngày 10/4/2016 cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động. Trong thời gian chị P ở Nhật Bản, tạm giao cháu Lê Thùy D cho bà Vũ Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị P về nước đón cháu.

Anh Lê Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Minh N và chị Nguyễn Thị P xác định vợ, chồng không có nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Minh N chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000047 ngày 12/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[6] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương